



Zentrum der Erweiterten Medizin



CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TẠI TRUNG TÂM Y HỌC TIÊN TIẾN

MỤC LỤC

- 01 THERAPIES**
Phương pháp trị liệu
- 02 TPS – TRANSCRANIAL PULSE STIMULATION**
Kích thích xung xuyên sọ
- 03 EHP – EXTRACORPOREAL HYPERTHERMIA PERFUSION**
Truyền dịch tăng thân nhiệt ngoài cơ thể
- 04 ALTERNATIVE CANCER THERAPIES – THE FOCUS AT THE CENTER FOR ADVANCED MEDICINE**
Các liệu pháp điều trị ung thư thay thế – Trọng tâm tại Trung tâm Y học Tiên tiến
- 05 GALVANTHERAPY – TARGETED TUMOUR TREATMENT**
Liệu pháp điện – Điều trị khối u mục tiêu
- 06 INFUSION - ARTESUNATE**
Truyền dịch - Artesunate
- 07 CHLORIN E6**
Chất cảm quang chlorin E6
- 08 CURCUMIN**
Tinh bột nghệ
- 09 DCA**
Điều trị nhiễm toan chuyển hóa lactate
- 10 DMSO**
DMSO trong điều trị ung thư

11

HYPERICIN

Liệu pháp quang động (PDT)

12

KETAMINE

Dẫn xuất cyclohexanone chirus

13

VITAMIN B17 IN CANCER THERAPY

Vitamin B17 trong điều trị ung thư

14

HIGH-DOSE VITAMIN C

Tiêu diệt các tế bào ung thư

15

IPT – INSULIN POTENTIATION THERAPY

Liệu pháp tăng cường insulin

16

**PHOTODYNAMIC THERAPY (PDT) – EFFECTIVE,
PRECISE TREATMENT FOR CANCER**

Liệu pháp ánh sáng laser



01 THERAPIES

Phương pháp trị liệu



CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TẠI TRUNG TÂM Y HỌC TIÊN TIẾN

Nhìn chung, điều trị ung thư và các bệnh mãn tính như bệnh từ vi khuẩn borreliosis (bệnh Lyme), bệnh đa xơ cứng, bệnh Parkinson, bệnh Alzheimer (bệnh thoái hóa thần kinh), bệnh xơ nang, tiểu đường, thấp khớp, hen suyễn, bệnh Crohn và dị ứng thường được xác định theo bản chất của các triệu chứng. Điều này có nghĩa là y học hiện đại chủ yếu quan tâm đến việc giảm bớt các triệu chứng của bệnh, chẳng hạn như sự đau đớn mà bệnh gây ra, nhưng lại bỏ qua việc điều tra nguyên nhân của bệnh để có thể giải quyết nguyên nhân gốc rễ của sự rối loạn và chữa khỏi bệnh một cách triệt để.

Ngược lại, bằng cách sử dụng phương pháp chẩn đoán toàn diện, chúng tôi đặt ra cho mình nhiệm vụ phân tích các cơ chế kích hoạt các bệnh tương ứng của bệnh nhân để có thể tiến hành các liệu pháp có mục tiêu rõ ràng và các phương pháp trị liệu đã được chứng minh từ y học tiêu chuẩn, qua thuốc bổ sung và phương pháp chữa bệnh tự nhiên, hoặc đôi khi là những ý tưởng và sự kết hợp điều trị độc đáo để giúp cơ thể tự phục hồi.

Bởi vì cơ thể con người chúng ta đã được trang bị một loạt các cơ chế điều chỉnh và các chương trình (tự) chữa lành, có thể được hỗ trợ theo rất nhiều cách khác nhau.

Trong bối cảnh này, “Chuyên môn” có tầm quan trọng hàng đầu. Tại Trung tâm Y học Tiên tiến của chúng tôi, giờ đây chúng tôi có thể nhìn lại 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực này và cung cấp cho bạn những liệu pháp cũng như phương pháp tốt nhất và hứa hẹn nhất để mang lại kết quả rõ rệt nhất cho bạn.



Hãy để chúng tôi tư vấn cho bạn. Đây là bước đầu tiên để bạn trở nên khỏe mạnh hơn.



02 TPS – TRANSCRANIAL PULSE STIMULATION

Kích thích xung xuyên sọ



Phương pháp điều trị bệnh suy giảm trí nhớ Alzheimer của TPS đã được phê duyệt, hiệu quả và an toàn.

Kích thích xung xuyên sọ” (TPS) có thể cải thiện đáng kể các chức năng não bị bệnh của bệnh nhân mắc chứng mất trí nhớ Alzheimer.

Điều trị với TPS®, các vùng não có thể được kích thích sâu tới 8 cm. Thời gian kích thích cực ngắn giúp ngăn ngừa nguy cơ làm nóng mô trong não. Điều này có nghĩa là các xung động có thể tác động lên vùng cần điều trị với hiệu quả lâm sàng cao nhất.



Việc điều trị TPS® diễn ra thông qua hộp sọ kín. Trong mỗi lần điều trị kéo dài khoảng 30 phút, bệnh nhân ngồi thư giãn trên ghế điều trị và có thể di chuyển tự do. Cạo đầu là không cần thiết!



Cho đến nay, cái gọi là xét nghiệm CERAD (một bảng câu hỏi nhiều giai đoạn được phát triển đặc biệt để xác định giai đoạn của bệnh mất trí nhớ Alzheimer) đã cho thấy sự gia tăng và giảm đáng kể tình trạng trầm cảm (Chỉ số trầm cảm Becks) ở bệnh mất trí nhớ Alzheimer nhẹ đến trung bình. Trong khi đó, hơn 1.500 buổi điều trị đã được thực hiện với hệ thống NEUROLITH. Không có tác dụng phụ đã xảy ra.

MỤC ĐÍCH CỦA TPS ĐỐI VỚI CHỨNG MẤT TRÍ NHỚ ALZHEIMER NHẸ

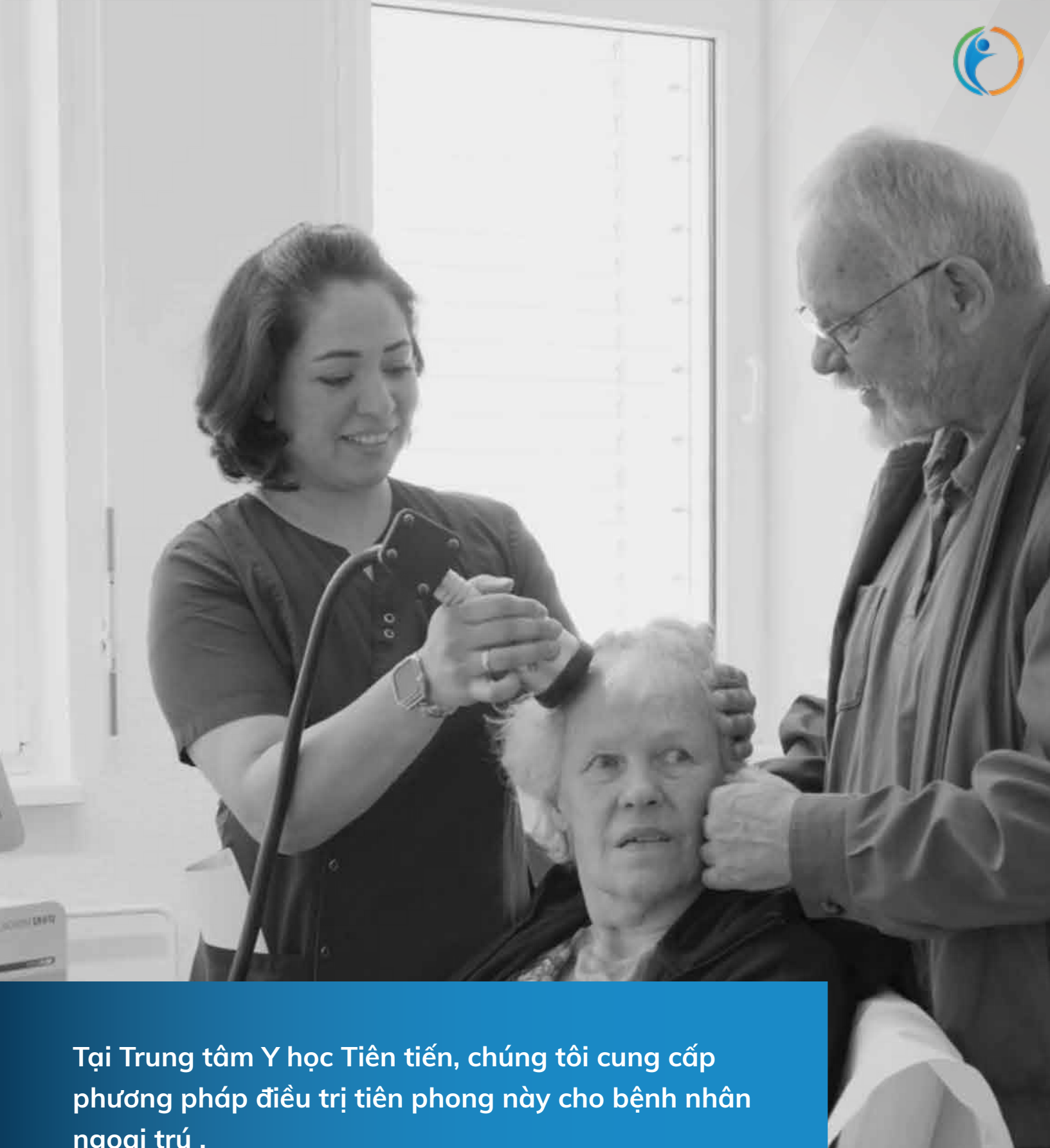
Bệnh nhân sẽ có thể nhớ nội dung cuộc trò chuyện tốt hơn hoặc tìm thấy đồ vật bị bỏ đi dễ dàng hơn. Các rối loạn về lập kế hoạch và tổ chức tư duy, rối loạn hình thành và định hướng cũng cần được cải thiện.

MỤC ĐÍCH CỦA TPS TRONG BỆNH MẤT TRÍ NHỚ ALZHEIMER MỨC ĐỘ VỪA PHẢI

Mục đích ở đây là nhằm khắc phục những hạn chế về trí nhớ, tư duy và khả năng định hướng ở người bệnh nhằm cải thiện lối sống độc lập của họ. Bệnh nhân nên được tạo điều kiện để giao tiếp tốt hơn với môi trường của họ.

LƯU Ý VÀ TRIỂN VỌNG

Sau những thành công điều trị mới nhất, các mô hình bệnh thần kinh như bệnh Parkinson, đột quỵ và chấn thương tủy sống hiện cũng là trọng tâm của nghiên cứu và phát triển lâm sàng sâu hơn với Kích thích xung xuyên sọ” (TPS).



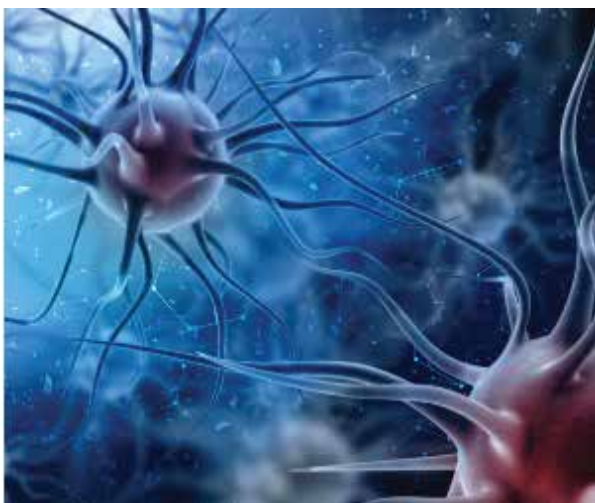
Tại Trung tâm Y học Tiên tiến, chúng tôi cung cấp phương pháp điều trị tiên phong này cho bệnh nhân ngoại trú .

Một chu trình điều trị bao gồm sáu buổi được thực hiện trong vòng hai tuần. Sáu đến chín đơn vị trị liệu nữa sẽ được đề xuất hoặc tiếp tục theo cách có cấu trúc riêng trong 12 tháng tới.



03 EHP – EXTRACORPOREAL HYPERThERMIA PERFUSION

Truyền dịch tăng thân nhiệt ngoài cơ thể



Truyền dịch tăng thân nhiệt ngoài cơ thể – EHP lần đầu tiên kết hợp các yếu tố xử lý toàn cầu của truyền máu, tăng thân nhiệt, oxy hóa và lọc máu thành một liệu pháp khép kín được sử dụng cho bệnh ung thư, bệnh Lyme, nhiễm trùng CO, nhiều bệnh mãn tính, bệnh tự miễn hoặc thậm chí ô nhiễm kim loại nặng lớn và từ đó gây ra bệnh tật. Với EHP, có thể điều trị những bệnh này và các bệnh khác một cách hiệu quả, đồng thời với ít tác dụng phụ nhất.

EHP BAO GỒM CÁC THÀNH PHẦN SAU:



1. Tăng thân nhiệt

Không giống như các phương pháp tăng thân nhiệt được sử dụng cho đến nay, tăng thân nhiệt bằng máu không làm ấm cơ thể từ bên ngoài mà làm ấm máu đến 40 °C đến 42,0 °C và đưa máu vào cơ thể.

2. Truyền máu

Hình thức truyền máu của chúng tôi phù hợp để loại bỏ các trường hợp nhiễm trùng huyết (ngộ độc máu), viêm nặng, cytokine và nhiều loại độc tố.

3. Truyền máu tăng oxy

Việc cung cấp oxy y tế cũng có thể đạt được độ bão hòa oxy vật lý trên 700% trong mô. Điều này cho phép quá trình sửa chữa và tái tạo của cơ thể được khởi động lại. Ngoài ra, quá trình tân mạch được kích thích và chất độc có thể được thải ra khỏi cơ thể tốt hơn.



CHÚNG TÔI SỬ DỤNG EHP THÀNH CÔNG CHO CÁC CHỈ ĐỊNH SAU:

- Các bệnh tự miễn dịch (ví dụ như bệnh đa xơ cứng, bệnh Crohn, viêm loét đại tràng, viêm tuyến giáp Hashimoto)
- Bệnh Lyme
- Bệnh ung thư
- Bệnh gan
- Bệnh phổi (ARDS)
- Bệnh thận
- Nhiễm trùng huyết
- Nghi ngờ suy đa cơ quan
- Ô nhiễm kim loại nặng
- Các bệnh thấp khớp (viêm khớp, viêm khớp, bệnh gút, v.v.)



04

ALTERNATIVE CANCER THERAPIES – THE FOCUS AT THE CENTER FOR ADVANCED MEDICINE

Các liệu pháp điều trị ung thư thay thế – Trọng tâm tại Trung tâm Y học Tiên tiến



Trong điều trị ung thư, các liệu pháp điều trị ung thư thay thế được chỉ định là thuốc bổ sung cho các quy trình tiêu chuẩn được áp dụng rộng rãi như hóa trị và xạ trị, đồng thời được áp dụng đồng thời để hỗ trợ và bổ sung cho các phương pháp tiếp cận thông thường.

Một trong những mục tiêu chính của các liệu pháp điều trị ung thư thay thế là kích hoạt sức mạnh của chính cơ thể để khối u có thể bị tấn công hiệu quả hơn và giảm bớt các tác dụng phụ đôi khi rất lớn và hậu quả của các liệu pháp cổ điển.

Tại Trung tâm ung thư bổ sung của chúng tôi, chúng tôi đã sử dụng thành công liệu pháp toàn diện cho bệnh nhân khối u trong hơn 40 năm với các mục tiêu chính sau:

- Để tăng cường hoặc phục hồi hệ thống miễn dịch của bệnh nhân
- Để tăng cơ hội phục hồi như liệu pháp bổ sung (đồng thời) cho y học thông thường (phẫu thuật, hóa trị, xạ trị)
- Để ngăn ngừa tái phát và di căn
- Để giảm thiểu tác dụng phụ của các liệu pháp thông thường
- Để cải thiện chất lượng cuộc sống

Khái niệm điều trị toàn diện của chúng tôi luôn được đưa ra để phù hợp với từng bệnh nhân và bao gồm các mô-đun thiết yếu sau:

 Tăng thân nhiệt

 Tăng cường insulin

 Liệu pháp điện

 Laser quang động



CÁC LIỆU PHÁP ĐIỀU TRỊ UNG THƯ THAY THẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG VỚI CÁC LOẠI UNG THƯ SAU:

- Ung thư vú
- Ung thư phổi (ung thư biểu mô phế quản)
- Ung thư tuyến tiền liệt
- Ung thư tuyến tụy (ung thư biểu mô tuyến tụy)
- Ung thư trực tràng (ung thư trực tràng)
- Ung thư ruột kết (ung thư biểu mô đại trực tràng)
- Ung thư da
- Ung thư cổ tử cung (ung thư cổ tử cung)
- Ung thư tử cung (ung thư tử cung)
- Ung thư buồng trứng (ung thư buồng trứng)
- Khối u não
- Ung thư gan (ung thư biểu mô tế bào gan)
- Ung thư lá lách
- Ung thư bàng quang
- Ung thư dạ dày
- Bệnh ung thư gan
- Non-Hodgkin lymphoma (Nhóm bệnh ác tính của mô lympho)
- Ung thư âm đạo (ung thư âm hộ)
- Liệu pháp điều trị ung thư sinh học cá nhân

Trong quá trình điều trị ung thư cho bạn, chúng tôi cũng liên tục theo dõi hiệu quả của liệu pháp này dựa trên các giá trị được chứng minh trong phòng thí nghiệm để có thể thiết lập nền tảng cho kết quả điều trị tốt nhất có thể.

Đồng thời, nó cũng cho phép chúng tôi xác định được điểm yếu của cơ thể bạn.

Sau đó, những thiếu sót có thể được giải quyết theo cách có mục tiêu bằng các dịch truyền hỗ trợ trị liệu, một số trong đó chúng tôi cũng tự chuẩn bị cho từng bệnh nhân cụ thể.



05

GALVANOTHERAPY – TARGETED TUMOUR TREATMENT

Liệu pháp điện – Điều trị khối u mục tiêu



ĐIỀU TRỊ NHẢM MỤC TIÊU VÀ LOẠI BỎ CÁC KHỐI U VỚI DÒNG ĐIỆN TRỰC TIẾP THẤP



Liệu pháp điện – Điều trị khối u mục tiêu Liệu pháp điện, còn được gọi là liệu pháp Điều trị khối u điện qua da (PET) hoặc Liệu pháp điều trị ung thư bằng điện (E.C.T.) là một phương pháp được phát triển từ những khám phá của nhà sinh lý học người Ý Luigi Galvani (1737 – 1798) và được cải tiến bởi bác sĩ y khoa. Rudolf Pekar (1912 – 2004).

Mỗi tế bào trong cơ thể chúng ta đều có màng tế bào bao quanh và bảo vệ nó và có thể duy trì điện thế từ 80 đến 100 milivolt (mV).

Tuy nhiên, nếu một tế bào bị bệnh hoặc thoái hóa do thiếu oxy hoặc chất dinh dưỡng, điện thế màng của nó sẽ giảm: ví dụ như điện thế của tế bào ung thư khi đó sẽ nhỏ hơn 20 mV.

Do đó, do sự mất điện thế này nên độ dẫn điện của tế bào khối u lớn hơn nhiều so với tế bào khỏe mạnh.

THÍCH HỢP ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH UNG THƯ VÀ KHỐI U LÀNH TÍNH

- Ung thư vú
- Di căn bạch huyết/Ung thư tuyến bạch huyết
- Ung thư biểu mô phổi nguyên phát và di căn phổi
- Ung thư gan nguyên phát và di căn gan / Ung thư gan
- Tất cả các khối u và di căn khác ở vùng trong ổ bụng
- Ung thư da / Di căn da / Ung thư da / Khối u ác tính / Ung thư tế bào đáy
- Ung thư dạ dày nguyên phát và di căn dạ dày / Ung thư dạ dày



06 INFUSION - ARTESUNATE

Truyền dịch - Artesunate



Thu được từ lá và hoa của cây ngải cứu hoặc cây ngải ngọt (lat. *Artemisia annua*), artesunat có những tác dụng phụ có thể kiểm soát được và không gây khó chịu. Artesunate có hiệu quả chống lại tất cả các loại khối u.

Nghiên cứu hiện tại được thực hiện tại Đại học Heidelberg:

- Điều trị ung thư bằng artesunate trên dòng tế bào ung thư vú [2] giảm kích thước khối u. So với các tế bào khỏe mạnh, nguyên vẹn, tác dụng artesunate nhằm mục tiêu đã được quan sát thấy ở các tế bào ung thư.
- Cơ chế hoạt động của artesunate trong tế bào ung thư đã thoái hóa là do hàm lượng sắt trong tế bào ung thư tăng cao.

Để duy trì sự phân chia tế bào liên tục, các tế bào ung thư cần sắt và có số lượng thụ thể lớn hơn tương ứng để tạo điều kiện hấp thu nhiều hơn. Do đó, nên tránh tiêu thụ hoặc thậm chí truyền sắt bằng mọi giá, vì sắt có thể kích thích đáng kể sự phát triển của khối u. Tình trạng thiếu sắt trong máu được báo cáo thường là do rối loạn phân phối vì phần lớn sắt nằm trong tế bào khối u hoặc tại các vị trí viêm. Chúng tôi có thể phát hiện cơ chế này từ các giá trị máu khác và từ đó quyết định liệu artesunate có phải là liệu pháp thích hợp cho bệnh nhân của chúng tôi hay không.

Artesunate phá vỡ sắt thành các gốc oxy độc hại, gây độc và tiêu diệt các tế bào ung thư. Artesunate còn có tác dụng hơn nữa đối với sự phát triển của các khối u ung thư. Nó ngăn chặn sự hình thành các mạch máu mới và do đó hạn chế việc cung cấp năng lượng cho các tế bào ung thư, có thể ngăn chặn khối u hình thành các di căn mới.



07 CHLORIN E6

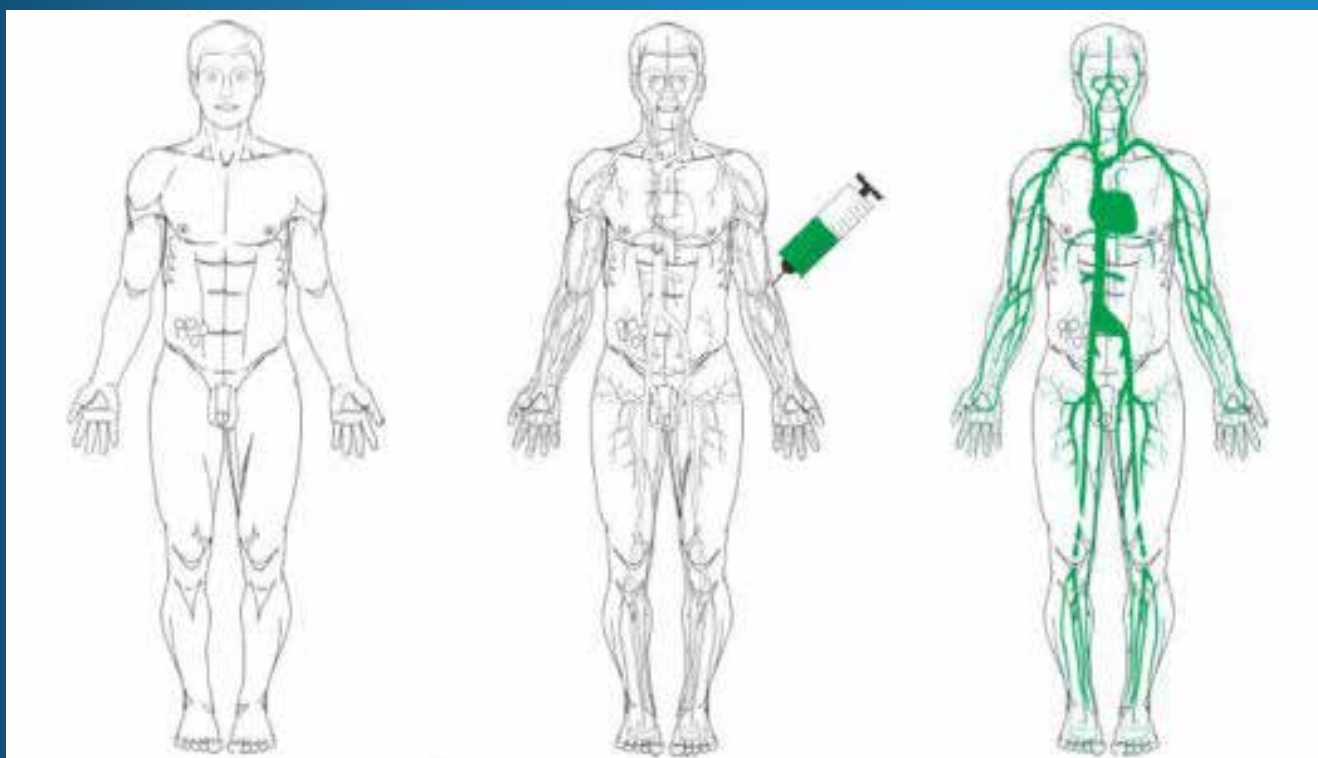
Chất cảm quang chlorin E6



Chất cảm quang chlorin E6 được lấy từ tảo *Chlorella ellipsoidea* màu xanh lá cây và được sử dụng như một phần của Liệu pháp quang động (PDT) trong lĩnh vực điều trị ung thư thay thế cho các khối u ác tính.

Chất cảm quang chlorin E6 là khả năng hấp thụ cao trong dải phổ đỏ cũng như sự kết hợp và tích lũy cụ thể của thuốc chlorin E6 được tiêm trong mô khối u tương ứng do đặc tính phân tử cụ thể của nó.

Chất nhạy cảm ánh sáng trước đây có liên quan đến các tác dụng phụ đáng báo động, chlorin E6 không có tác dụng phụ khó chịu như vậy. Bước sóng của tia laser đỏ được đồng bộ hóa chính xác với chlorin E6. Bước sóng phải là 665 nm (nanomet), đó chính xác là bước sóng mà tia laser của chúng ta phát ra (sản xuất).



Các thiết bị laser thông thường khác hoạt động ở bước sóng 658 nm, dẫn đến mất hiệu suất khoảng 20%. Ngoài việc cần nhắc rằng Liệu pháp Quang động nhẹ nhàng hơn nhiều đối với bệnh nhân so với các phương pháp điều trị khác, mô khối u cũng có thể được điều trị và tấn công với mức độ đặc hiệu cao. Vì lý do này, chlorin E6 đặc biệt hấp dẫn khi sử dụng trong Liệu pháp Quang động để điều trị các khối u ác tính.

Một nghiên cứu của Hàn Quốc năm 2009 đã chứng minh trên một thí nghiệm trên động vật rằng chất cảm quang chlorin E6 được sử dụng trong Liệu pháp Quang động (PDT) có tác dụng ức chế sự phát triển của khối u. Thông qua việc sử dụng tia laser đỏ, các quá trình nội bào được kích hoạt dẫn đến quá trình apoptosis – quá trình chết theo chương trình của tế bào – của các tế bào ung thư.



08 CURCUMIN

Tinh Bột Nghệ



Curcumin là một chất thực vật thứ cấp được lấy từ thân rễ của cây nghệ (*Curcuma longa*). Nó là một trong những thành phần chính trong hỗn hợp gia vị cà ri Ấn Độ và được chấp thuận sử dụng ở Liên minh Châu u dưới dạng chất tạo màu vàng theo số E 100.

Curcumin làm phương thuốc: đặc tính chống oxy hóa, chống viêm, sát trùng, giảm đau và chống ung thư.

Ở Ấn Độ, nơi nghệ là một thành phần thực phẩm truyền thống, tỷ lệ mắc bệnh ung thư vú, tuyến tiền liệt, ruột kết và phổi thấp hơn 10 lần so với ở Hoa Kỳ.

TÁC DỤNG CỦA CHẤT CURCUMIN

Nó ngăn ngừa sự tăng sinh tế bào cũng như sự xâm lấn, di căn và hình thành mạch máu của khối u.

Vì apoptosis là nguyên nhân chính gây chết tế bào nên các chất như curcumin có thể gây ra apoptosis/ chết tế bào là những ứng cử viên hứa hẹn nhất để thành công trong điều trị ung thư.

Curcumin được đồng hóa vào màng tế bào của tế bào ung thư và làm cho chúng dễ thấm thấu hơn và do đó dễ bị tấn công bởi hệ thống miễn dịch, các liệu pháp điều trị ung thư sinh học, hóa trị và xạ trị.

DỮ LIỆU LÂM SÀNG

Trong một nghiên cứu được công bố năm 2006 trên tạp chí Lâm sàng

Gastroenterology Hepatology, sự kết hợp của 480 mg curcumin và 20 mg quercetin dùng ba lần một ngày đã cho thấy làm giảm đáng kể số lượng và kích thước của u tuyến đại tràng trong bệnh adenopolyposis gia đình mà không có bất kỳ dấu hiệu độc tính nào. Với số lượng liều lượng, Giáo sư Francis M. Giardelli tin chắc rằng chất curcumin là chất quyết định.

CÔNG DỤNG CHỮA BỆNH CỦA CURCUMIN

Với việc tiêu diệt mạch chất curcumin, chúng ta có được một chất chống ung thư hiệu quả mà không có bất kỳ tác dụng phụ nào.

TƯƠNG TÁC

Curcumin làm tăng tính nhạy cảm hóa học của các tế bào khối u được điều trị với Vincristin, Melphalan, Cisplatin và 5-FU và làm tăng quá trình apoptosis do Paclitaxel gây ra.



Do tác dụng tổng hợp và đối kháng của nó, chất curcumin chỉ nên được sử dụng như liệu pháp bổ trợ nếu nó có tương tác tích cực với các tác nhân hóa trị liệu sau: **5-FU, Bortezomib, Butyrate, Celecoxib, Cisplatin, Doxorubicin, Etoposid, Gemcitabin, Melphalan, Oxaliplatin, Paclitaxel, Sulfinosine, Thalidomid, Taxol, Vincristin und Vinorelbin.**



09

DCA

Điều trị nhiễm toan chuyển hóa lactate



DCA (dichloroacetate, dichloroacetic acid) là một thuốc đã được sử dụng trong điều trị nhiễm toan chuyển hóa lactate trong nhiều năm nhưng chưa được chấp thuận làm thuốc.

Nuôi cấy tế bào trong đó các tế bào ung thư đã bị tiêu diệt nhưng không có tế bào khỏe mạnh.

Các thí nghiệm cũng tiết lộ rằng ty thể (cấu trúc tế bào để sản xuất năng lượng trong tế bào) vốn được coi là bị hư hỏng không thể sửa chữa đã hoạt động trở lại nhờ DCA. Bên cạnh vai trò sản xuất năng lượng trong tế bào, ty thể còn chịu trách nhiệm khởi động quá trình apoptosis - quá trình chết tế bào tự nhiên - vì vậy điều này rõ ràng dẫn đến cái chết của các tế bào khối u.

Việc sử dụng DCA được chỉ định rõ ràng để ngăn chặn quá trình chuyển hóa lên men này của tế bào ung thư và theo đó là sự phát triển của tế bào ung thư.



Các tác dụng phụ đôi khi xảy ra như rối loạn đầu dây thần kinh sẽ hồi phục dần dần sau khi ngừng sử dụng chất này. Trung tâm Y học Tiên tiến của chúng tôi chuyên nhận biết và tránh tác dụng phụ này.

10 DMSO

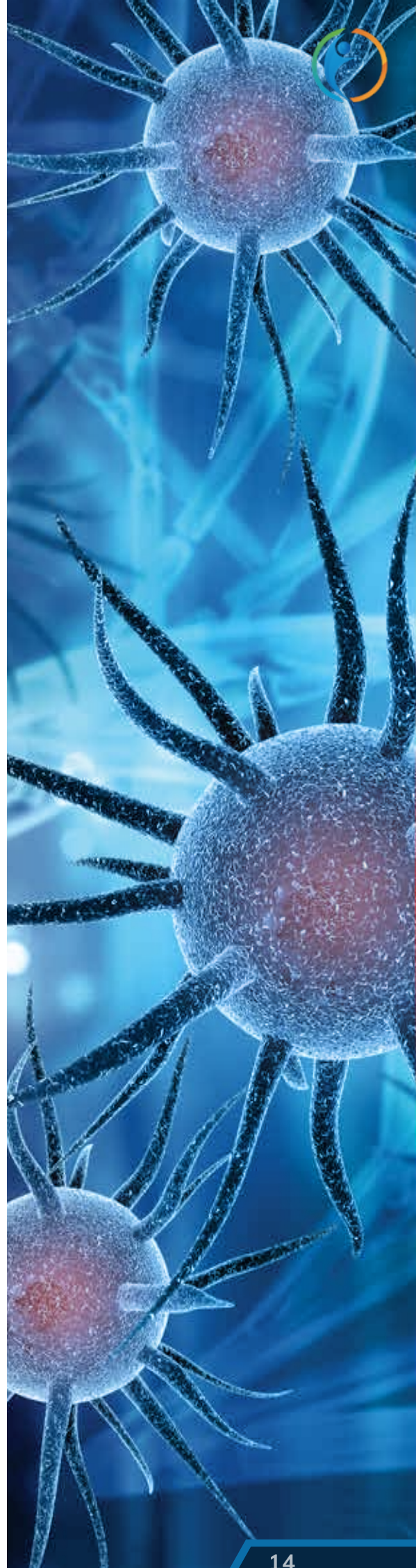
DMSO trong điều trị ung thư

DMSO tác dụng điều trị ung thư, đau đớn và nhiều bệnh tật mà không có tác dụng phụ.

Ở cấp độ tế bào, DMSO hỗ trợ giải độc tế bào, có tác dụng chống viêm, tăng cường hệ thống miễn dịch và ức chế sự phát triển của vi khuẩn. Giống như DCA, DMSO cũng có ảnh hưởng tích cực đến ty thể, nguồn năng lượng của tế bào chúng ta. DMSO cũng làm tăng tính thấm của màng tế bào và do đó giúp tế bào dễ dàng loại bỏ chất độc hơn. Ngay cả các phản ứng dị ứng cũng có thể được giảm bớt bằng cách sử dụng DMSO và điều này giúp giảm bớt gánh nặng cho hệ thống miễn dịch.



DMSO hiện là chủ đề của vô số nghiên cứu và ấn phẩm (hơn 11.000) xác nhận tính hiệu quả của nó trong điều trị ung thư cùng với các đặc tính khác.





11 HYPERICIN

Liệu pháp quang động (PDT)



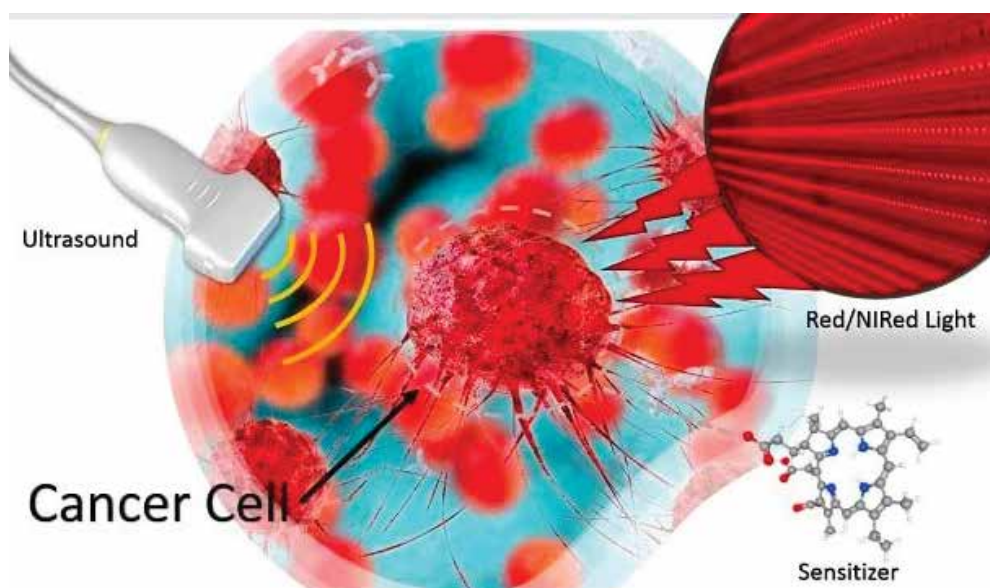
Hypericin được lấy từ St. John's wort (Lat. *Hypericum perforatum*) và là một chất cảm quang mạnh, xuất hiện tự nhiên, được sử dụng trong Liệu pháp quang động (PDT) để điều trị ung thư. Hypericin là chất quang nhạy phát huỳnh quang màu đỏ với cực đại hấp thụ ở bước sóng 550-558 nm và 330 nm.

Tác dụng phụ của việc dùng hypericin là cơ thể trở nên quá nhạy cảm với ánh sáng.

Trong điều trị hiện đại, tác dụng này được sử dụng trong ung thư để chống ung thư. Hypericin huỳnh quang tích lũy dần dần trong các tế bào ung thư.

Nguyên nhân tích tụ nhiều hypericin trong mô khối u liên quan đến đặc điểm cấu trúc và sinh lý của tế bào ung thư.

Trong lĩnh vực cơ chế phân tử trong tế bào ung thư, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự kích thích bằng tia laser được sử dụng trong Liệu pháp quang động (PDT) với bước sóng đặc trưng cho hypericin sẽ làm tăng độc tính quang tế bào trong mô ung thư.



Độc tính đối với tế bào ung thư là do phản ứng giữa chất nhạy cảm ánh sáng hypericin và oxy. Sản phẩm của phản ứng hóa học là các gốc oxy độc hại, khởi đầu quá trình apoptosis và hoại tử cho các tế bào ung thư.



12 KETAMINE

Dẫn xuất cyclohexanone chirus



Ketamine là một loại thuốc đã được sử dụng làm thuốc gây mê ở người và thú y trong nhiều thập kỷ.

Ketamine không chỉ là thuốc gây mê mà còn có những đặc tính độc đáo: Ketamine là loại thuốc nhanh nhất và hiệu quả nhất đối với mọi loại trầm cảm, rối loạn căng thẳng sau chấn thương (PTSD) và rối loạn ám ảnh cưỡng chế (OCD) – đặc biệt đối với nhiều bệnh nhân phải điều trị.

Việc truyền ketamine đặc biệt đáng chú ý đối với những bệnh nhân có ý định tự tử, vì ketamine phát huy tác dụng chỉ sau vài giờ.

Điều này có tác dụng vì ketamine liên kết với các thụ thể NMDA và do đó gián tiếp làm tăng nồng độ glutamate truyền tin trong tế bào não. Ngoài ra, ketamine kích hoạt sự hình thành protein mới ở các khớp thần kinh của tế bào. Điều này có nghĩa là sự giao tiếp bị gián đoạn hoặc bị xáo trộn của mạng lưới thần kinh ở bệnh nhân trầm cảm sẽ được phục hồi và hoạt động bình thường.

Hiệp hội Ung thư Y tế Châu u (ESMO) cũng khuyến nghị sử dụng ketamine cho những bệnh nhân ung thư bị đau thần kinh và những bệnh nhân ung thư không hoặc không còn đáp ứng với thuốc phiện.

Việc truyền ketamine diễn ra tại trung tâm y học tiên tiến theo những phát hiện khoa học mới nhất và được định lượng và chấm dứt tốt đến mức không có tác dụng phụ thuộc và không có tác dụng phụ nào có thể phát sinh.

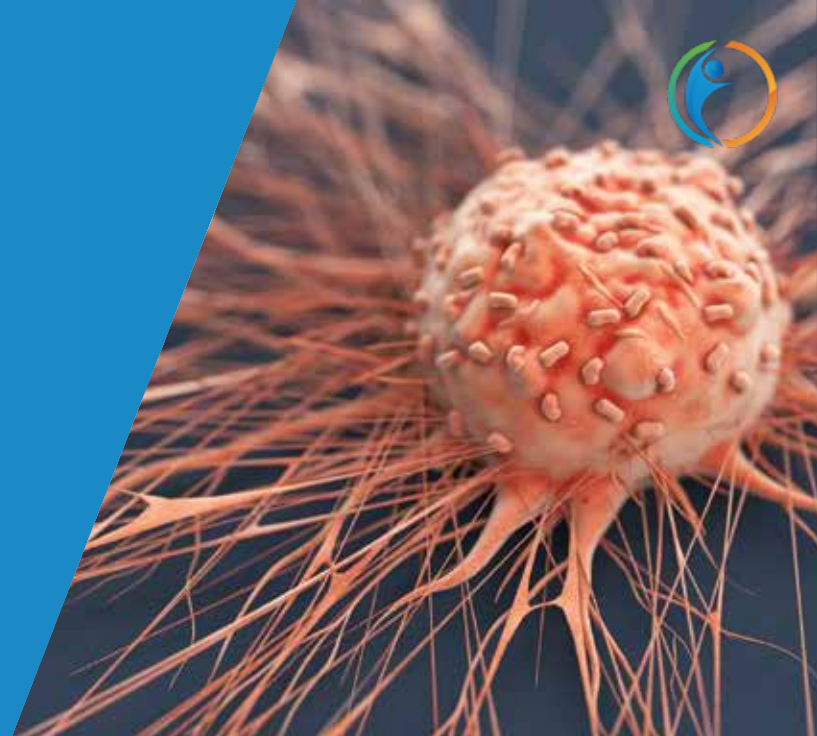




13

VITAMIN B17 IN CANCER THERAPY

Vitamin B17 trong điều trị
ung thư



Vitamin B17 – còn được gọi là amygdalin – đã được sử dụng rộng rãi trong liệu pháp điều trị ung thư và dựa trên cơ chế hoạt động của nó, nó cũng có thể được mô tả như một “tác nhân hóa trị liệu tự nhiên”. Một tác dụng nữa của lời nói dối của amygdalin là tác dụng giảm đau.

Vitamin B17 – còn được gọi là Amygdalin

Vitamin B17 chuyển hóa thành chất độc cực mạnh dưới tác dụng của enzyme beta-glucosidase. Một lượng lớn enzyme này hiện diện trong và trên các tế bào khối u.

Vitamin B17 có tác dụng ức chế sự phát triển của tế bào khối u rất mạnh nhưng không gây hại cho tế bào khỏe mạnh.

Nghiên cứu được thực hiện bởi Bệnh viện Đại học Goethe Frankfurt, sự ức chế sự phát triển ung thư của amygdalin và đã được xác nhận trong trường hợp tế bào ung thư bàng quang. Hơn nữa, tính vô hại của amygdalin nguyên chất đã được khẳng định trong phán quyết của Tòa án hành chính cấp cao Hannover. Vitamin B17 có tác dụng ức chế sự phát triển của tế bào khối u rất mạnh nhưng không gây hại cho tế bào khỏe mạnh.

CẤU TRÚC VÀ CƠ CHẾ TÁC DỤNG CỦA VITAMIN B17

Nếu bạn xem xét cấu trúc phân tử của vitamin B17, các liên kết với một phân tử hydro xyanua (axit prussic) và một phân tử benzaldehyde và hai phân tử glucose.

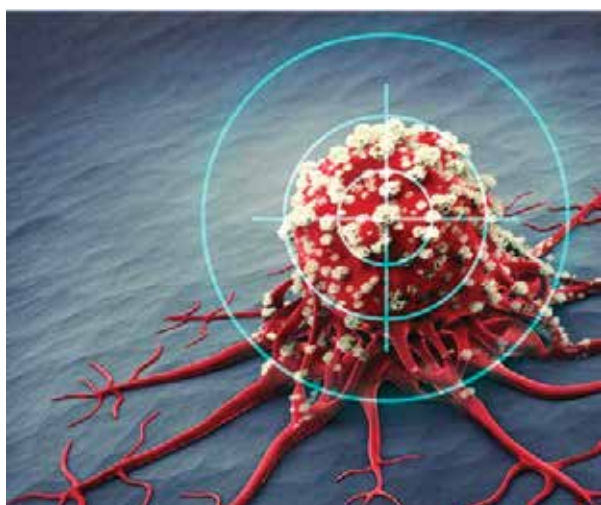
Hợp chất ổn định này không thể bị phân hủy ngoại trừ tác dụng của enzyme beta-glucosidase.

Một loại enzyme bảo vệ được gọi là rhodenase (thiosulfate sulfur transferase) có thể ngăn chặn các tế bào khỏe mạnh bị nhiễm độc cùng lúc bằng cách chuyển đổi xyanua thành rhodanide tương đối không độc.



14 HIGH-DOSE VITAMIN C

Tiêu diệt các tế bào ung thư



Để tiêu diệt các tế bào ung thư, chúng tôi sử dụng tác dụng hỗ trợ oxy hóa của vitamin C liều rất cao trong phạm vi 30 – (tốt nhất là 50) hoặc thậm chí 100 gram, trong đó các tế bào khối u bị tiêu diệt nhưng các tế bào khỏe mạnh không bị tổn hại.

Đây còn được gọi là hóa trị liệu sinh học, và tại các phòng khám lớn ở Hoa Kỳ, các liệu pháp hóa trị cổ điển đã được kết hợp với liệu pháp vitamin C liều cao này.

Vitamin C – còn được gọi là axit ascorbic – là chất chống oxy hóa ở liều thấp.

Vitamin C chỉ phát huy tác dụng như một chất chống oxy hóa khi truyền tĩnh mạch liều cao 30-100 gram, từ đó tấn công các tế bào ung thư và chỉ những tế bào đó.

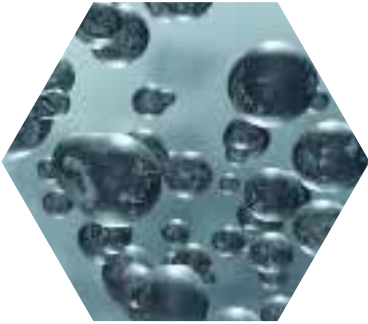
Ở liều lượng thấp (ví dụ: 7,5 gam), vitamin C không có đặc tính này.

15

DIE INSULIN-POTENZIESTE THERAPIE (IPT)



IPT trong chữa bệnh



Với IPT, chúng tôi điều trị ung thư và bệnh Lyme một cách nhẹ nhàng và không có tác dụng phụ thông thường của hóa trị liệu cổ điển. IPT cũng được sử dụng trong điều trị hiệu quả bệnh borrelioses, bệnh thấp khớp cũng như các bệnh do virus và mãn tính.

Yếu tố chính trong IPT là insulin.

Hormon tự thân này được sản xuất trong tuyến tụy và có chức năng vận chuyển chất dinh dưỡng từ máu vào tế bào. Do đó, insulin là chất mở cửa giúp màng tế bào (lớp phủ bên ngoài của tế bào) có tính thấm.

Hormon insulin và vai trò của nó trong ung thư

Thậm chí ngày nay, làm thế nào và tại sao ung thư xảy ra vẫn chưa được biết đầy đủ.

Nhưng thực tế là, các tế bào khỏe mạnh đột nhiên bắt đầu đột biến và bắt đầu một quá trình phát triển mang tính hủy diệt, có vẻ ngẫu nhiên, tự trị và không còn chịu sự điều chỉnh thông thường của các tế bào khỏe mạnh.

Những tế bào thoái hóa này bắt đầu sinh sôi nảy nở và hình thành các khối u.

Không giống như các tế bào khỏe mạnh, các tế bào ung thư tồn tại gần như hoàn toàn nhờ glucose và do đó hình thành nhiều “thụ thể insulin” – cửa insulin – trong màng tế bào của chúng hơn nhiều so với các tế bào khỏe mạnh.

Điều này có nghĩa là, tùy thuộc vào loại ung thư, các tế bào có thể hấp thụ chất dinh dưỡng nhiều hơn tới 20 lần so với các tế bào khỏe mạnh - nói một cách rõ ràng là chúng “chen vào hàng thức ăn và lấy mọi thứ chúng có thể nhận được”.

Hóa trị thông thường

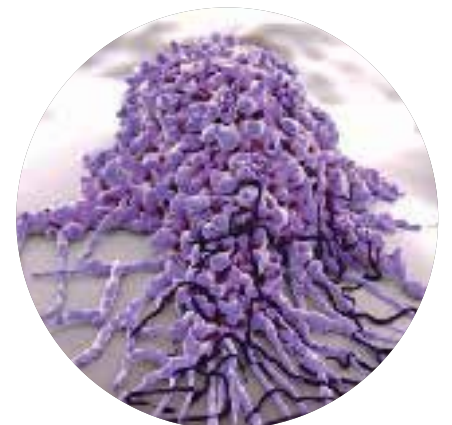
Ngày nay, nhiều phương pháp hóa trị tiêu chuẩn hóa khác nhau được sử dụng để chống lại bệnh ung thư trên toàn thế giới. Với mục đích này, một nhóm chất gọi là thuốc kìm tế bào được sử dụng.

Chúng có thể là tự nhiên hoặc tổng hợp, nhưng chúng cực kỳ độc hại và mục đích của chúng là ức chế sự phát triển và phân chia tế bào.

Liệu pháp tăng cường insulin – một giải pháp thay thế nhẹ nhàng cho hóa trị liệu cổ điển

Liệu pháp tăng cường insulin - một giải pháp thay thế nhẹ nhàng cho hóa trị liệu cổ điển Ngược lại, Liệu pháp tăng cường insulin khai thác chức năng "mở cửa" của insulin trong màng tế bào ung thư, cho phép thuốc kìm tế bào cũng như các chất khác được đưa vào cơ thể với liều lượng thấp hơn nhiều so

Ưu điểm: Vì chỉ có 10 – xấp xỉ. Cần 20% lượng thuốc kìm tế bào hoặc các loại thuốc khác cần thiết, tác dụng phụ cũng giảm đáng kể và bệnh nhân có thể được điều trị liên tiếp nhanh hơn (thường là một hoặc thậm chí hai lần một tuần).



15

DIE INSULIN-POTENZIESTE THERAPIE (IPT)

IPT trong chữa bệnh



Tiên ex vivo.

Liệu pháp tăng cường insulin cho bệnh borreliosis và các bệnh khác. IPT chủ yếu được sử dụng như một hình thức hóa trị liệu nhẹ nhàng để chống lại ung thư. Nhưng IPT cũng có thể mang lại lợi ích to lớn cho các bệnh khác mà cho đến nay vẫn được chứng minh là khó chữa và không thể chữa khỏi.

Mặt khác, IPT cung cấp một cách để xác định vị trí, nhắm mục tiêu và tấn công và/hoặc vô hiệu hóa các mầm bệnh này bên trong tế bào bằng cách sử dụng insulin như một loại “ngựa thành Troy”.

Các khiếu nại và bệnh sau đây có thể được điều trị bằng Liệu pháp Tăng cường Insulin:



Bệnh ban đỏ



Viêm loét đại tràng



Bệnh đa xơ cứng



Bệnh Hashimoto (viêm tuyến giáp lymphocytic mãn tính)



Ung thư



Bệnh Borreliosis



Bệnh thấp khớp

Quá trình điều trị bằng liệu pháp tăng cường insulin

Bệnh nhân đến cuộc hẹn khám trong tình trạng nhịn ăn. Bác sĩ tiêm cho bệnh nhân một lượng insulin đã được tính toán trước. Điều này đánh lừa các tế bào chuẩn bị nhận chất dinh dưỡng mới và chúng bắt đầu mở ra.

Vì tế bào ung thư sở hữu nhiều thụ thể insulin hơn tế bào khỏe mạnh nên chúng có thể hấp thụ lượng chất này nhiều hơn từ 5 đến 20 lần. Khi insulin đã lan truyền trong máu, các loại thuốc hoặc thuốc kìm tế bào tương ứng sẽ được cung cấp.

Bằng cách này, **“ngựa Trojan”** xâm nhập sâu vào lãnh thổ của kẻ thù và tấn công các tế bào ung thư hoặc virus, vi khuẩn ẩn náu bên trong tế bào một cách chính xác và mạnh mẽ.

Để kết thúc buổi trị liệu, bệnh nhân được uống đồ uống có đường và bác sĩ từ từ tiêm glucose tiếp theo.

Cuộc hẹn trị liệu tiếp theo được ấn định vào khoảng một tuần sau.

Số buổi và khoảng thời gian trị liệu được xác định riêng theo bệnh cảnh lâm sàng và thể trạng

Quá trình điều trị bằng liệu pháp tăng cường insulin

Bởi vì nó nhẹ và có ít hoặc không có tác dụng phụ, IPT rất lý tưởng để sử dụng kết hợp với các phương pháp khác, chẳng hạn như tăng thân nhiệt cục bộ (liệu pháp hạ sốt) hoặc các thủ thuật từ y học sinh học, ví dụ: phương pháp điều trị chỉnh hình phân tử và liệu pháp tế bào.

16

PHOTODYNAMIC THERAPY (PDT) – EFFECTIVE, PRECISE TREATMENT FOR CANCER



Da liễu và điều trị ung thư



PDT là phương pháp tiên phong trong lĩnh vực da liễu và điều trị ung thư toàn diện, là một phương pháp điều trị cải tiến và đầy hứa hẹn được sử dụng để loại bỏ mô khối u ác tính.

Hiệu quả của nó dựa trên việc sử dụng “chất cảm quang”.

Ánh sáng laser giải phóng các phân tử oxy mạnh, tiêu diệt các khối u. Vì liệu pháp quang động (PDT) hầu như không có tác dụng gì đối với các tế bào khỏe mạnh nên nó cũng thích hợp để sử dụng trên các vị trí trên cơ thể nơi các phương thức điều trị khác có thể gây ra vấn đề hoặc khó thực hiện.

Ví dụ

Sarcoma Ewing (ES) là một dạng ung thư xương cực kỳ nguy hiểm. Sarcoma như vậy đã được điều trị bằng liệu pháp quang động tại Trung tâm Y học Tiên tiến.



PDT và phương thức hành động được nhắm mục tiêu của nó

Tại Trung tâm Y học Tiên tiến, chúng tôi sử dụng chlorin E6, hypericin và curcumin làm chất cảm quang.

Tác dụng của chất cảm quang chỉ được kích hoạt khi được chiếu bằng ánh sáng laser ở bước sóng chính xác.

Ánh sáng laser được dẫn đến các vị trí điều trị thông qua một ống dẫn sóng đặc biệt và được tập trung theo cách mà chỉ các tế bào khối u mới tiếp xúc với ánh sáng.

Nguyên tắc hoạt động dựa trên các quá trình quang hóa được bắt đầu bằng PDT và tấn công cụ thể vào khối u.

Chất cảm quang được tiêm vào máu của bệnh nhân, sau đó được vận chuyển khắp cơ thể, nhưng tập trung chủ yếu ở các tế bào ung thư.

Tác nhân oxy hóa này có tính phản ứng cao và cực kỳ gây độc tế bào - nó thực sự là một chất độc tế bào rất mạnh.

Hiệu ứng này cuối cùng được thể hiện dưới dạng hoại tử các tế bào bị ảnh hưởng và trong một số trường hợp nhất định đồng thời gây ra apoptosis, cái chết của các tế bào khối u do chính cơ thể khởi xướng.

Thiệt hại thêm cho các tế bào khỏe mạnh không xảy ra do tác động cục bộ của các gốc oxy.

Những bệnh nào có thể được điều trị bằng PDT?

- Viêm tuyến tiền liệt mãn tính
- Thay đổi mô
- Tăng sản tuyến tiền liệt lành tính (tuyến tiền liệt mở rộng)
- Bệnh Lyme
- Nhiễm ký sinh trùng, vi khuẩn và virus

Phương pháp điều trị PDT thường không gây đau đớn và không gây ra bất kỳ tác dụng phụ nghiêm trọng nào.

Vì các tế bào bị phá hủy sẽ được thay thế bằng các tế bào bình thường sau khi điều trị nên dự kiến sẽ có một quá trình lành vết thương tốt sau khi điều trị.

Liệu pháp quang động thường không được sử dụng như một liệu pháp đơn trị liệu; nó cũng có thể được kết hợp với các phương pháp trị liệu và điều trị khác như hóa trị liệu liều thấp (IPT), xạ trị hoặc phẫu thuật.



TRUNG TÂM Y HỌC TIÊN TIẾN

Zentrum der Erweiterten Medizin

